

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày: 24 - 7 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật

Bà Nguyễn Thị Chiêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2025/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hà Nội), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-DS ngày 27/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T, số 57 L, phường T1, quận H, thành phố H1 (nay là phường C, thành phố H1)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ L – Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ KHCN. Người được ủy quyền lại: Ông Bùi Sỹ Q – Cán bộ xử lý nợ; ông Q có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1987 và bà Trần Thị K, sinh năm 1987; vắng mặt

Cùng nơi thường trú: Cụm 4, xã Đ, huyện Đ, thành phố H1 (nay là xã Đ, thành phố H1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Ngân hàng TMCP T trình bày như sau:

Bà Trần Thị K và ông Nguyễn Xuân T đã ký với Ngân hàng TMCP T Hợp đồng cho vay ngày 11/08/2023 với số tiền vay: 476.000.000 đồng; mục đích vay: mua xe ô tô; thời hạn vay vốn: 96 tháng; lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là: 10,9%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi vay chậm trả.

Tài sản bảo đảm bảo cho khoản vay: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu: NISSAN ALMERA VL; Màu: đỏ; Số khung: MNTBAAN18Z0053123; Số máy: HRA0061680E; BKS: 20A 653.36 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20 000625 do Công an huyện Đ1, tỉnh T cấp ngày 09/08/2023 cho bà Trần Thị K, theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 11888897/2023/HDTD/DHN ngày 11/08/2023.

Trong quá trình trả nợ vay, bà K và ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP T. Tính đến ngày 24/7/2025, bà K và ông T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền 72.570.751 đồng (bao gồm nợ gốc: 41.415.179 đồng, nợ lãi: 31.155.572 đồng).

Tạm tính đến ngày 24/7/2025, bà Trần Thị K và ông Nguyễn Xuân T còn nợ Ngân hàng TMCP T số tiền cụ thể là: Nợ gốc: 434.584.821 đồng, nợ lãi trong hạn: 61.670.575 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.248.367 đồng. Tổng: 508.503.763 đồng

Ngân hàng khởi kiện ông T, bà K những nội dung sau: Buộc bà Trần Thị K và ông Nguyễn Xuân T thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP T dư nợ theo các hợp đồng tín dụng với tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/7/2025 là: Nợ gốc: 434.584.821 đồng, nợ lãi trong hạn: 61.607.575 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.248.367 đồng. Tổng: 508.503.763 đồng.

Buộc bà K và ông T thanh toán các khoản phát sinh trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và các thỏa thuận khác đã ký kể từ ngày 25/7/2025 cho đến khi thực tế thanh toán hết các nghĩa vụ cho Ngân hàng TMCP T.

Trong trường hợp bà K và ông T không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP T thì Ngân hàng TMCP T có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu: NISSAN ALMERA; Màu: đỏ; Số khung: MNTBAAN18Z0053123; Số máy: HRA0061680E; BKS: 20A 653.36 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20 000625 do phòng Công an huyện Đ1 - Công an tỉnh T cấp ngày 09/08/2023 cho bà Trần Thị K.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà K và ông T đối với Ngân hàng TMCP T. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà K và ông T có nghĩa vụ phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP T.

2. Bị đơn ông Nguyễn Xuân T có bản trình bày ngày 21/5/2025 tại Tòa án:

Năm 2023 ông và vợ ông là bà Trần Thị K vay tiền của Ngân hàng TMCP T với số tiền 467.000.000 đồng, mục đích vay: Mua ô tô, thời hạn vay 96 tháng. Vợ chồng ông đã nhận đủ số tiền vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: 01 xe ô tô nhãn hiệu NISSAN ALMERA, màu đỏ, BKS: 20A-653.36 mang tên Trần Thị K.

Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông đã không trả được nợ Ngân hàng như đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay. Số tiền vợ chồng ông nợ lại Ngân hàng đúng như đơn khởi kiện mà Ngân hàng gửi Tòa án. Ngân hàng khởi kiện, vợ chồng ông đồng ý trả nợ số tiền cho Ngân hàng, đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông được trả dần trong thời hạn 12 tháng sẽ tất toán toàn bộ khoản nợ.

Chiếc xe ô tô BKS: 20A-653.36 vợ chồng ông vẫn đang sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày. Trong trường hợp vợ chồng ông không trả được nợ, ông đồng ý bàn giao chiếc xe ô tô cho Ngân hàng để trừ vào nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo lịch xem xét thẩm định tại chỗ và Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vợ chồng ông đều đã nhận được, tuy nhiên do bận công việc nên vợ chồng ông không đến Tòa làm việc theo yêu cầu.

* Bà Trần Thị K đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, bà không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng Công an xã đến gia đình ông T, bà K làm việc nhiều lần nhưng ông T, bà K đều không có nhà nên Tòa án không lấy được lời khai bà K, không tổng đạt được trực tiếp mà niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bà K không có bản trình bày về quan điểm của bà đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông T, bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 320, 323, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 30, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T. Buộc ông T, bà K phải

trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 24/7/2025 với tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là: 508.503.763 đồng. Kể từ ngày 25/7/2025 ông T, bà K tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền dư nợ gốc, theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay. Trường hợp ông T, bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu NISSAN ALMERA VL, màu đỏ, BKS: 20A-653.36 (theo đăng ký xe ô tô số 20 000625 do công an huyện Đ1, tỉnh T cấp ngày 09/8/2023 cho bà Trần Thị K. Về án phí: Ông T, bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K cư trú tại xã Đ, huyện Đ, thành phố H1 (nay là xã Đ, thành phố H1). Năm 2023 ông T, bà K ký hợp đồng vay tiền với Ngân hàng TMCP T. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T trả nợ số tiền đã vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hà Nội) thụ lý giải quyết với quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các phương thức tổng đạt quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự để thông báo các văn bản tố tụng tuy nhiên ông T, bà K không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án theo thời gian triệu tập. Theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

[2.1] Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ

Ngày 11/8/2023 Ngân hàng và ông Nguyễn Xuân T cùng vợ là bà Trần Thị K đã ký Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 11888897/2023/HDTD/DHN với số tiền vay: 476.000.000 đồng; mục đích vay: mua xe ô tô; thời hạn vay: 96 tháng; lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là: 10,9%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi vay chậm trả. Về nội dung và hình thức Hợp đồng cho vay đều tuân theo các quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 11888897/2023/HDTD/DHN ngày 11/8/2023 có hiệu lực

pháp luật nên buộc hai bên phải thực hiện đúng nội dung thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay ông T, bà K đã trả được Ngân hàng số tiền 72.570.751 đồng (bao gồm nợ gốc: 41.415.179 đồng, nợ lãi: 31.155.572 đồng). Sau đó, ông T, bà K không trả được nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng vay nên toàn bộ khoản vay chuyển thành nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay. Ông T xác nhận toàn bộ nội dung số tiền vay, số tiền còn nợ lại Ngân hàng là đúng. Như vậy, ông T, bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của bên vay được quy định tại 3.3, 3.4, 3.7 của Điều kiện điều khoản chung về cho vay của Ngân hàng TMCP T. Đồng thời Hợp đồng cho vay các bên cũng đã thống nhất thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng. Ông T, bà K còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/7/2025) với số tiền: Nợ gốc: 434.584.821 đồng, nợ lãi trong hạn: 61.670.575 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.248.367 đồng. Tổng: 508.503.763 đồng.

Căn cứ khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước. Xét thấy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về lãi phát sinh tính từ ngày 25/7/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay các bên đã ký kết. Do vậy kể từ ngày 25/7/2025 ông T, bà K phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc, theo lãi suất đã thỏa thuận tại đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 11888897/2023/HDTD/DHN ngày 11/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ tiền nợ.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay, ông T và bà K đã thế chấp: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu: NISSAN ALMERA; Màu: đỏ; Số khung: MNTBAAN18Z0053123; Số máy: HRA0061680E; BKS: 20A 653.36 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20 000625 do Công an huyện Đ1 - tỉnh T cấp ngày 09/08/2023 cho bà Trần Thị K, tài sản được thế chấp tại Ngân hàng TMCP T theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 11888897/2023/HDTD/DHN ngày 11/08/2023.

Quá trình giải quyết, ông T trình bày hiện nay chiếc xe ô tô BKS: 20A 653.36 vợ chồng ông vẫn đang sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày. Tòa án đã thông báo yêu cầu ông T, bà K mang chiếc xe ô tô nhãn hiệu: NISSAN ALMERA VL, BKS: 20A 653.36 đến địa điểm thẩm định để Tòa án cùng các cơ quan chức năng xem xét thẩm định tại chỗ tài sản theo quy định pháp luật. Ông T bà K đã nhận được thông báo nhưng không mang chiếc xe ô tô về để thẩm định theo yêu cầu của Tòa án. Chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp cho khoản vay của ông T, bà K với Ngân hàng. Căn

cứ vào các Điều 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 8 Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính Phủ quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực pháp luật nên các bên phải có nghĩa vụ thi hành. Theo đó, Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp vợ chồng ông T không trả nợ là có căn cứ, nên được chấp nhận. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm tương ứng với phạm vi bảo đảm của từng tài sản cụ thể theo hợp đồng thế chấp.

Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ, bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên ông T, bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319 320, 323, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

1.1. Buộc ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần T tạm tính đến ngày 24/7/2025 với số tiền: Nợ gốc: 434.584.821 đồng, nợ lãi trong hạn: 61.670.575 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.248.367 đồng. Tổng: 508.503.763 đồng (Năm trăm linh tám triệu năm trăm linh ba nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng).

1.2. Kể từ ngày 25/7/2025 ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K phải tiếp tục trả các khoản nợ lãi, phí phát sinh với mức lãi suất thỏa thuận theo Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 11888897/2023/HDTD/DHN ngày 11/8/2023 cho đến khi ông T, bà K trả hết khoản nợ.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K không trả nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu: NISSAN ALMERA VL; Màu: đỏ; Số khung: MNTBAAN18Z0053123; Số máy: HRA0061680E; BKS: 20A 653.36 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20 000625 do Công an huyện Đ1, tỉnh T cấp ngày 09/08/2023 cho bà Trần Thị K.

Toàn bộ số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K đối với Ngân hàng.

1.4. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

2. Án phí: Ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K phải chịu 24.340.000 đồng (Hai mươi tư triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.800.000 đồng (Mười một triệu tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010634 ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Hà Nội).

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Xuân T, bà Trần Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 8 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 8 – Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An